

NHẬN DIỆN MỘT SỐ THÁCH THỨC VÀ CƠ HỘI ĐỐI VỚI CÁC NGÂN HÀNG TMCP KHI VIỆT NAM GIA NHẬP WTO

Ngô Văn Tuấn*

Hòa với xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế, Việt Nam đã và đang tích cực xúc tiến các cuộc đàm phán song phương, đa phương với các nước, các tổ chức kinh tế trong khu vực và thế giới nhằm tìm kiếm các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống xã hội, đẩy mạnh hợp tác lao động, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài lực quốc gia và quốc tế. Nói một cách khác, đó là quá trình hội nhập vào một sân chơi đầy cơ hội nhưng cũng nhiều thách thức. Hiện nay, Việt Nam đang thực thi lộ trình cắt giảm thuế quan nằm trong khuôn khổ Hiệp định khung về hợp tác thương mại của hiệp hội ASEAN (AFAS), thực hiện các cam kết của Hiệp định Thương mại Việt – Mỹ và tiến tới gia nhập WTO.

Trong lĩnh vực ngân hàng, chậm nhất đến năm 2008, Việt Nam phải mở cửa thực hiện tự do hóa dịch vụ ngân hàng cho các ngân hàng Mỹ tham gia vào thị trường tài chính – tiền tệ, đồng thời các cam kết gia nhập WTO cũng có nội dung và thời gian tương tự dành cho ngân hàng của các nước khác. Theo đó, phía Việt Nam phải dỡ bỏ các quy định hạn chế về hoạt động bằng nội tệ – đồng Việt Nam đối với các ngân hàng nước ngoài. Có nghĩa là các ngân hàng nước ngoài được phép thành lập các ngân hàng con và công ty cho thuê tài chính 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam, có thể thành lập các tổ chức tín dụng liên doanh với các tổ chức tín dụng trong



Thách thức và cơ hội đối với các ngân hàng TMCP khi Việt Nam gia nhập WTO

nước với mức vốn góp không thấp hơn 30% và không quá 49%, hoặc các Ngân hàng nước ngoài được tiếp cận đầy đủ các thể thức liên quan của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) như: tái chiết khấu, tái cấp vốn, SWAP, FORWARD,... Sự có mặt của các ngân hàng nước ngoài sẽ đẩy một số ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) đô thị vào thế chọn lựa hoặc “hợp tác” hoặc “hòa tan” bởi năng lực vốn đầu tư, kỹ năng dịch vụ khách hàng, hệ thống sản phẩm dịch vụ hiện đại và tính đa dạng, toàn cầu của hệ thống công nghệ thông tin... là những thách thức thực sự cho bất kỳ NHTMCP nào của Việt Nam hiện nay.

Chưa bàn đến các Ngân hàng thương mại Nhà nước (NHTMNN), rõ ràng với chính sách mở như trên chắc chắn sẽ có những tác động mạnh đến hệ

thống NHTMCP Việt Nam. Hệ thống NHTMCP này hiện diện với 36 ngân hàng, có vốn điều lệ tương đương 4.500 tỷ đồng và chiếm 15% thị phần trên cả nước. Trong những năm qua nhóm hệ thống ngân hàng này được đánh giá hoạt động ổn định, năng động, đổi mới và hiệu quả.

Tuy nhiên nhóm các ngân hàng này hiện đang gặp nhiều hạn chế ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Đó là sức ép cạnh tranh khá gay gắt từ nhiều phía, cạnh tranh với các ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cạnh tranh với các NH MQD và cạnh tranh giữa chính họ với nhau. Thậm chí trong quan hệ với NHNN, không phải NHTMCP nào cũng có quyền bình đẳng ngang nhau như các NHTMNN về trích lập dự

Sacombank ()*

phòng rủi ro, dự trữ bắt buộc, mở rộng mạng lưới.

Bên cạnh sức ép từ bên ngoài thì những sức ép bên trong mang tính cải cách cũng thật sự làm đau đầu các nhà lãnh đạo NHTMCP. Trước hết bắt đầu từ vốn tự có. Ngoại trừ một số ngân hàng như Sacombank, ACB, Eximbank có vốn điều lệ trên 30 triệu USD còn lại hầu hết các ngân hàng khác đều có vốn tự có rất thấp. Đây là bài toán khó để có thể đầu tư tài sản cố định, mua sắm trang thiết bị, đổi mới công nghệ, tham gia đầu tư thị trường thứ cấp cũng như đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Tuy nhiên muốn tăng vốn tự có cũng không dễ dàng bởi những mâu thuẫn cục bộ giữa việc tăng vốn với sức ép cổ tức từ cổ đông. Đa số cổ đông NHTMCP chỉ muốn được hưởng lợi ngay hàng năm thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức hơn là tái đầu tư dài hạn cho ngân hàng. Cũng xuất phát từ ít vốn mà năng lực mở rộng mạng lưới cũng như triển khai các dịch vụ ngân hàng hiện đại của các NHTMCP bị giới hạn trong một phạm vi nhất định hay một số dịch vụ nhất định. Thậm chí do năng lực vốn tự có của mỗi ngân hàng mà mỗi nơi lựa chọn phần mềm công nghệ thông tin khác nhau, kết quả là cùng nhóm NHTMCP nhưng việc kết nối để cùng khai thác, chia sẻ dữ liệu, thông tin khách hàng bị hạn chế, ví dụ như tình trạng khai thác dịch vụ ATM hiện nay.

Tỷ suất sinh lợi thấp do chất lượng tín dụng không ổn định và hiệu quả hoạt động không cao dẫn đến phúc lợi của nhân viên cũng thấp tương ứng. Do đó việc thu hút chất xám để cải thiện trình độ nghiệp vụ cũng như kỹ năng dịch vụ khách hàng cũng

gặp những hạn chế nhất định.

Một hạn chế khác thuộc về năng lực quản lý, sự am hiểu sâu sắc nghiệp vụ ngân hàng để có thể định hướng ngân hàng phát triển theo xu hướng hội nhập, tuân thủ các chuẩn mực quốc tế trong tính toán chỉ số đánh giá về an toàn vốn, thanh khoản, ROA, ROE, nợ quá hạn ...

Như vậy đi từ những giới hạn này đến những bất lợi khác, những cạnh tranh bên ngoài đến yếu kém bên trong là những thách thức mới đối với các NHTMCP trong quá trình hội nhập kinh tế.

Cạnh tranh là yếu tố tất nhiên tồn tại vượt ra khỏi không gian lẫn thời gian trong lịch sử phát triển xã hội. Do đó khi đứng trước những thách thức nêu trên, nếu bình tâm đánh giá thì các NHTMCP đô thị còn khá nhiều hướng đi thích hợp, phù hợp với quy mô và tính chất của từng ngân hàng nếu biết chọn lấy hướng đi thích hợp. Nếu xét về thời gian thì gần như tất cả các NHTMCP đô thị Việt Nam hiện nay được thành lập trên 10 năm, đã trải qua nhiều biến cố và thử thách khắc nghiệt, thậm chí phải trả giá khá đắt trong thời buổi nền kinh tế chuyển sang hướng thị trường. Đây chính là bài học kinh nghiệm quý báu rút ra từ thực tiễn để không lặp lại vết xe đổ khi đã ổn định phát triển, các NHTMCP hiểu rằng họ phải làm gì để tiếp tục cuộc sinh tồn trước những thách thức mới.

Cơ hội lớn nhất là mặc dù không còn bao cấp, nhưng NHNNTW chắc chắn sẽ luôn quan tâm hỗ trợ các NHTMCP đi vào quỹ đạo phát triển thông qua cơ chế quản lý và kiểm soát, giúp các NHTMCP đô thị ổn định

tổ chức, tăng nhanh năng lực tài chính, nâng cao chất lượng hoạt động, giảm bớt rủi ro và tăng năng lực cạnh tranh.

Bên cạnh đó, Việt Nam phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng kinh tế thị trường, có sự chênh lệch giữa các thành phần kinh tế và sự phát triển không đồng đều giữa các vùng kinh tế... là những phân khúc thị trường tự nhiên cho phép các ngân hàng lựa chọn thị trường thích hợp để triển khai dịch vụ tài chính tiền tệ. Điều này đồng nghĩa với việc các ngân hàng nước ngoài nếu mở chi nhánh tại Việt Nam cũng phải lựa chọn những thị trường tương thích nhất mà dự đoán có thể là nhóm những nhà đầu tư nước ngoài, những người có thu nhập cao tại các đô thị lớn. Trước mắt các ngân hàng nước ngoài sẽ không dám mạo hiểm mở rộng tầm hoạt động mà chỉ tập trung tại các trung tâm kinh tế thương mại lớn bởi nhiều lý do khác nhau. Một số quy định chuẩn mực, bắt buộc của ngân hàng nước ngoài ở một thị trường hoàn hảo sẽ khó được chấp nhận ngay tại một nền kinh tế đang phát triển. Chi phí quản lý, phúc lợi, chi phí tiếp thị, nghiên cứu thị trường bình quân chiếm tỷ trọng trên 50% trong tổng chi phí hoạt động sẽ làm cho các ngân hàng nước ngoài càng thêm thận trọng. Do đó nếu vào Việt Nam thì các ngân hàng nước ngoài cũng mất khá nhiều thời gian để xâm nhập thị trường và đây cũng là điều kiện thuận lợi cho các NHTMCP tiếp tục củng cố và phát triển thị phần ở những phân khúc thị trường truyền thống.

Ưu thế tự nhiên khác là các NHTMCP đô thị có bộ máy nhân sự, tổ chức gọn nhẹ nên dễ xoay

trở, dễ thay đổi và dễ thích nghi. Chất lượng tín dụng ngày càng nâng cao, nợ quá hạn ngày càng được kiểm soát ở mức tối thiểu... do đó nếu phải làm một cuộc cách mạng thì cũng không có quá nhiều vấn đề phải giải quyết. Riêng về yếu tố lao động, mọi người thường cho rằng chất xám sẽ chảy sang ngân hàng nước ngoài nhưng thật sự chưa ai đếm được có mấy ngân hàng nước ngoài được thành lập? Có bao nhiêu người sẽ đi từ NHTMCP sang ngân hàng nước ngoài? Có đáng lo không khi thị trường lao động Việt Nam hiện nay đang rất dồi dào? Hơn nữa môi trường và cường độ làm việc ở các tổ chức nước ngoài rất khắc nghiệt sẽ không phải lúc nào cũng thu hút được lao động Việt Nam. Xu hướng gần đây cho thấy sau một thời gian làm việc, tích lũy kinh nghiệm từ các đơn vị nước

ngoài, người ta quay trở lại với các đơn vị trong nước để phát huy năng lực và tìm môi trường gần gũi, đồng cảm văn hóa hơn.

Ngoài ra khi có nhiều các ngân hàng nước ngoài tham gia vào thị trường Việt Nam còn là cơ hội để các NHTMCP lựa chọn con đường hợp tác đôi bên cùng có lợi bằng cách bán cổ phần. Bán cổ phần cho các ngân hàng nước ngoài hay cho các tổ chức tài chính quốc tế sẽ mang lại rất nhiều thuận lợi đối với các NHTMCP bởi đó là cách nhanh nhất để tăng vốn tự có, tăng năng lực tài chính, tiếp cận phương pháp quản lý khoa học, tận dụng mạng lưới bán lẻ toàn cầu, áp dụng công nghệ thông tin hiện đại và công nghệ ngân hàng tiên tiến cũng như đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Nếu như trước năm 2008, để thực hiện điều này

các NHTMCP gặp khá nhiều khó khăn bởi những hạn chế từ chính sách quản lý kinh tế vĩ mô của Nhà nước, chỉ có những ngân hàng thật lớn như ACB, Sacombank mới được phép thực hiện thì sau năm 2008, khả năng này sẽ dễ dàng hơn bởi chính sách kinh tế thông thoáng và thông tin thị trường hoàn hảo hơn, khả năng mua, góp vốn cổ phần vào các NHTMCP của ngân hàng nước ngoài là khả năng lớn nhất bởi đó là con đường nhanh nhất xâm nhập thị trường, chia sẻ rủi ro và mở rộng thị phần.

Tóm lại, cơ hội và thách thức là những phạm trù luôn song hành nhưng quan trọng nhất là các NHTMCP phải nhận diện được vấn đề để xây dựng chiến lược phát triển lâu bền, phù hợp tính chất, quy mô cũng như định hướng của từng ngân hàng ■



VẤN ĐỀ MẤU CHỐT CỦA QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI... (tiếp theo trang 6)

để tránh song trùng lãnh đạo, mở rộng đối tượng thanh tra và tổ chức lại bộ máy thanh tra phù hợp với nghiệp vụ mới.

- Cấu trúc lại mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống NHNN phù hợp với việc bổ sung, sửa đổi các nghiệp vụ NHTW theo hướng: không gắn chi nhánh với địa giới hành chính; Tổ chức một số Tổng Vụ và sắp xếp lại một số Vụ, Cục ở hội sở chính của NHTW để đảm nhiệm những chức năng phổ biến của một NHTW hiện đại theo thông lệ quốc tế...

- Về cơ chế tài chính cần được qui định lại theo hướng áp dụng cơ chế đơn vị nộp NSNN

kèm theo những chế tài minh bạch về kiểm soát, kiểm toán độc lập...

- Qui định minh bạch các quan hệ về tiền tệ, tín dụng giữa NHTW với các Bộ, Ngành, nhất là với Bộ Tài chính - trong đó những qui định quan trọng là: qui định về việc NHTW thống nhất quản lý ngoại hối, dự trữ quốc gia (cả ngoại tệ xuất khẩu tài nguyên và đáp ứng nhu cầu ngoại tệ nhập khẩu thông qua các NHTM), việc bắt buộc Kho bạc Nhà nước phải mở tài khoản và thanh toán duy nhất qua hệ thống thanh toán quốc gia của hệ thống NHTW...

- Bỏ các qui định về trách

nhiệm của các Bộ, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ...trong việc tham gia “quản lý” hoặc “kiểm tra”, mà chỉ có thể giám sát hoạt động của NHTW.

Tóm lại: Mục tiêu, định hướng và lộ trình phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đã được Bộ chính trị phê duyệt, kết luận và khích lệ. Vai trò lịch sử của Luật NHNNVN đã đến lúc phải nhận sứ mệnh mới vì đối tượng, nghiệp vụ và không gian tác nghiệp của NHNN đã thay đổi. Luật NHNNVN do đó phải sửa căn bản thành Luật NHTW Việt Nam để mở đường cho các nhân tố mới đi vào thực tiễn... ■